



# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHO SINH VIÊN NGÀNH CỬ NHÂN NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC THANH HÓA

TS. LÊ THỊ PHƯỢNG  
Trường Đại học Hồng Đức

## 1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, sinh viên (SV) các ngành đại học cử nhân học chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (NVSP) để có thêm cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường đang trở thành một xu hướng phổ biến. Trong số đó, đã có không ít SV cử nhân theo nghề dạy học. Trong bối cảnh các trường đại học trong cả nước đang cố gắng nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên (GV) cho các cơ sở giáo dục, bài viết xin đưa ra một số biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo NVSP cho SV ngành cử nhân Ngữ văn ở Trường Đại học Hồng Đức Thanh Hóa.

## 2. Thực trạng của việc đào tạo NVSP cho sinh viên ngành cử nhân Ngữ văn ở Trường Đại học Hồng Đức hiện nay

### 2.1. Nghiệp vụ sư phạm

NVSP là một trong những nội dung cốt lõi của chương trình đào tạo GV nhằm hình thành năng lực nghề nghiệp cả về lý luận và thực hành tay nghề. Thời đại công nghệ thông tin phát triển như vũ bão càng đòi hỏi người GV phải năng động, sáng tạo, có khả năng giao tiếp, có tư tưởng nhân văn và năng lực thực hành giỏi. Chính vì lẽ đó, đào tạo NVSP phải được coi là một trong những nội dung quan trọng nhất. Khối kiến thức của NVSP bao gồm: Tâm lí học, Giáo dục học, Phương pháp nghiên cứu giáo dục, Phương pháp dạy học bộ môn, Thực hành phương pháp dạy học bộ môn và các hoạt động rèn luyện NVSP.

### 2.2. Những khó khăn và thuận lợi của việc đào tạo NVSP cho SV ngành cử nhân Ngữ văn ở Trường Đại học Hồng Đức hiện nay

Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của nội dung NVSP trong chương trình đào tạo SV trở thành người GV tương lai, Trường Đại học Hồng Đức hàng năm đã tổ chức dạy NVSP cho SV ngành cử nhân Ngữ văn, cấp chứng chỉ NVSP đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp của xã hội. Trong sự cạnh tranh của nền kinh tế thị trường và nền kinh tế tri thức, công việc này đang gặp những thuận lợi và không ít khó khăn.

#### 2.2.1. Thuận lợi:

Trường Đại học Hồng Đức Thanh Hóa được thành lập trên cơ sở sáp nhập 3 đơn vị: Trường Cao đẳng Sư phạm, Trường Cao đẳng Kinh tế kĩ thuật

và Trường Cao đẳng Y. Trong chặng đường 15 năm thành lập và phát triển (1998 – 2011), Trường Đại học Hồng Đức đã trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Thanh Hóa, cơ sở vật chất khang trang hiện đại, đội ngũ cán bộ đạt trình độ trên chuẩn. Một trong những thế mạnh nhất của trường là bể dày nghiên cứu khoa học và đào tạo sư phạm với đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, năng lực thực hành giỏi. Số lượng SV tuyển sinh ngành đại học cử nhân Ngữ văn từ năm 2010 trở về trước đạt tỉ lệ cao.

#### 2.2.2. Khó khăn:

NVSP đối với SV ngành đại học cử nhân Ngữ văn là chương trình học thêm ngoài chương trình đào tạo chuyên ngành. Vì vậy, khác với ngành sư phạm chương trình đào tạo NVSP được tiến hành đồng thời trong suốt bốn năm học, SV ngành cử nhân Ngữ văn chỉ học dồn nén trong thời gian 6 tháng vào cuối năm thứ 3 hoặc đầu năm học thứ 4. Việc sắp xếp thời gian lịch trình dạy học NVSP vì thế gặp nhiều bất cập, khó khăn. Không ít SV đã phải tìm đến các cơ sở giáo dục khác trong tỉnh vì thời gian đào tạo NVSP ngắn và đơn giản hơn, quản lí dạy học không nghiêm ngặt, việc cấp chứng chỉ NVSP lại rất dễ dàng. Tâm lí của một bộ phận SV học NVSP vì "sinh bằng cấp", học không "thực làm" cũng là một vấn đề làm ảnh hưởng đến tâm lí học tập chung và cản trở chất lượng đào tạo rèn luyện NVSP. Do đặc thù của ngành đào tạo, nội dung kiến thức của các môn học phần lớn không thể tích hợp với nội dung NVSP.

## 3. Các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo NVSP cho sinh viên ngành cử nhân Ngữ văn ở Trường Đại học Hồng Đức

### 3.1. Làm cho SV nhận thức đúng mục tiêu của đào tạo NVSP và hệ thống các kỹ năng sư phạm cần phải hình thành ở SV trước khi trở thành người GV

#### 3.1.1 Mục tiêu của đào tạo NVSP

Như đã nêu ở trên, NVSP là một trong những nội dung cốt lõi của chương trình đào tạo GV nhằm hình thành năng lực nghề nghiệp cả về lý luận và thực hành tay nghề. "NVSP bao gồm năng lực



chuyên môn, kiến thức khoa học cơ bản và năng lực sư phạm [2, tr.1]. Bởi vậy, việc trang bị hệ thống tri thức chuyên môn, rèn luyện tay nghề, rèn luyện kĩ năng sư phạm, giáo dục nghệ thuật làm thầy là những vấn đề cực kì quan trọng của đào tạo NVSP nhằm đào tạo người GV tương lai có trình độ chuyên môn và năng lực thực hành giỏi, yêu nghề, làm chủ khoa học kĩ thuật hiện đại, có tư duy sáng tạo, tính độc lập và tích cực cá nhân, có ý thức tổ chức kỉ luật và tác phong công nghiệp.

### 3.1.2. Các kĩ năng sư phạm cần phải hình thành ở SV trước khi trở thành người GV

Căn cứ vào các nội dung NVSP trong chương trình đào tạo GV và tổng hợp ý kiến của nhiều chuyên gia sư phạm [2], [3] chúng tôi xác định các kĩ năng sư phạm cần hình thành ở người GV tương lai gồm:

- Kĩ năng hiểu biết toàn bộ công nghệ dạy học để đảm bảo dạy - học có hiệu quả;
- Kĩ năng cập nhật kiến thức và nâng cao kiến thức môn học;
- Kĩ năng hướng dẫn học sinh tìm kiếm và lựa chọn kiến thức, phân tích và xử lý các kiến thức liên quan đến nội dung bài học, môn học;
- Kĩ năng phát hiện vấn đề, nêu và giải quyết vấn đề;
- Kĩ năng phê phán và sáng tạo, kế thừa cái cũ, vận dụng cái mới;
- Kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin phù hợp với mục tiêu và nội dung của bài học, môn học;
- Kĩ năng làm công tác chủ nhiệm lớp;
- Kĩ năng nghiên cứu khoa học;
- Kĩ năng kiểm tra, đánh giá.

Để đào tạo NVSP có chất lượng tốt thì việc SV nhận thức đúng các vấn đề trên chưa đủ. Quan trọng là SV phải được rèn luyện các kĩ năng. SV chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động rèn luyện NVSP cụ thể như: dự giờ thăm lớp, tập soạn giáo án, tập giảng, đánh giá giáo án, đánh giá góp ý các tiết thực hành tập giảng, tìm hiểu và tham gia các hoạt động giáo dục, tham gia công tác chủ nhiệm lớp, các hoạt động đoàn thể của trường hoặc địa phương.

### 2. Đội ngũ GV dạy các môn NVSP vừa phải giảng dạy tốt ở đại học vừa phải có kinh nghiệm thực tế phổ thông

Thực tế chứng minh, nội dung chương trình các môn học NVSP chưa đủ để làm cho công tác đào tạo NVSP có chất lượng. Ở bất kì thời đại nào, người GV cũng đóng vai trò quan trọng vì chính họ là người quyết định hiệu quả đào tạo của chương trình (CT). Khác với các GV chuyên ngành khoa học cơ bản, GV phương pháp dạy NVSP thông hiểu lí luận chưa đủ mà còn phải coi trường phổ thông (PT) như công

xưởng thực hành. Việc gắn bó mật thiết với trường PT, thành thạo việc dạy một môn học ở PT giúp cho các GV dạy NVSP đạt hiệu quả cao. Thực tiễn sinh động đó sẽ xới lên nhiều ý tưởng nghiên cứu khoa học sáng tạo vừa phục vụ thực tiễn dạy học PT vừa làm phong phú lí luận phương pháp dạy học (PPDH) chuyên ngành. Bởi thế cho nên, Trường Đại học Hồng Đức cần có một chế tài phù hợp để mỗi giảng viên bộ môn phương pháp vừa giảng dạy tốt ở trường đại học, vừa thành thạo công việc dạy học của GV phổ thông.

### 3.3. Tăng cường thực hành soạn giáo án và tổ chức cho SV tập giảng có sự hỗ trợ của các phương tiện dạy học hiện đại

Đối với học NVSP, khâu soạn giáo án và tập giảng bài trên lớp là công việc mang tính thực hành vận dụng tổng hợp và sáng tạo. Để thực hiện được mục tiêu của đào tạo NVSP, SV hiểu và nắm vững hệ thống lí luận về các môn học như Tâm lí học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học bộ môn thôi thì chưa đủ mà phải thông qua thực hành và bằng chính công việc thực hành mới giúp SV sáng tỏ được các nội dung lí thuyết, có kĩ năng vận dụng các kiến thức NVSP để tổ chức một bài học cụ thể, một tiết học cụ thể với những tình huống sư phạm cụ thể, sinh động. Vì vậy, ở các học phần PPDH bộ môn GV cần giản lược một cách ngắn gọn lí thuyết về các PPDH chung, các PPDH đặc thù của bộ môn. Tăng thời lượng cho công việc hướng dẫn SV thực hành soạn giáo án, thực hành tập giảng, hướng dẫn SV cách sử dụng sách giáo khoa (SGK), sách giáo viên, phân phối CT, chuẩn kiến thức kĩ năng và các tài liệu tham khảo khác để chuẩn bị nội dung bài dạy. Qua các tiết tập giảng, SV hiểu rõ sự thất bại hay thành công của giờ dạy là do họ biết sử dụng các PPDH phù hợp và sử dụng linh hoạt các PP. GV tạo điều kiện thuận lợi để SV được ứng dụng công nghệ thông tin vào thực hành tập giảng, thiết kế giáo án điện tử. GV dành thời gian để dự giờ tập giảng của các nhóm SV, sửa lỗi giáo án và góp ý bổ sung cho giờ dạy của SV.

### 3.4. Phòng đào tạo cần bố trí phù hợp thời gian học lí thuyết ở trường đại học và thời gian để thực tập sư phạm ở trường phổ thông

Cũng như các môn học khác, NVSP cũng có nội dung lí thuyết và thực hành. Lí thuyết NVSP là những quy luật tâm lí chung, đặc thù của con người và của HS, những kinh nghiệm về dạy học và giáo dục con người, các quan điểm, nguyên tắc và PPDH phân môn văn, tiếng Việt, làm văn, lí thuyết về kiểm tra, đánh giá. Những kiến thức lí thuyết này vô cùng quan trọng – là cơ sở dẫn đường cho thực hành, thực tập sư phạm. Thiếu lí thuyết NVSP, việc thực hành, thực tập sư phạm của SV ở trường PT trở nên mất



phương hướng. Tuy nhiên, đích cuối cùng của đào tạo NVSP là giúp SV thích ứng dần với hoạt động của người GV tương lai, thực hành tay nghề cho SV. Vì vậy, thực tập sư phạm ở trường PT là khâu quan trọng trong quá trình đào tạo người GV ở trường đại học. Việc thực tập sư phạm có mục đích:

- Giúp SV sư phạm nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người GV, trên cơ sở đó phấn đấu trở thành GV giỏi;

- Tạo điều kiện cho SV sư phạm chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện các kỹ năng giáo dục và dạy học trong thực tế nhà trường, từ đó hình thành năng lực sư phạm.

Để thực hiện được những mục đích tốt đẹp của công tác thực tập sư phạm, phòng đào tạo cần sắp xếp thời gian một cách hợp lý, đảm bảo Quy chế thực tập sư phạm cho SV ở các trường đại học quy định tại Điều 4 chương I (2003) của Bộ Giáo dục & Đào tạo, đồng thời không để thời gian học lý thuyết và thời gian đi thực tập sư phạm cách nhau quá xa khiến SV lúng túng.

### **3.5. Nhà trường cần lựa chọn địa điểm thực tập sư phạm của sinh viên phải là các trường phổ thông có chất lượng tốt**

Nhiều SV phàn nàn với GV nỗi lo lắng trước đợt đi thực tập sư phạm của các em: các em không biết chọn địa điểm nào để hoàn thành nhiệm vụ thực tập sư phạm của mình, dành về trường ở quê hoặc kiểm một trường nào đó dễ một chút. Như vậy, việc SV tự chọn và đi liên hệ địa điểm thực tập sư phạm sẽ không đảm bảo bằng cơ sở đào tạo GV đứng ra lo việc này.

Thực tế cho thấy, SV có thực hiện được mục tiêu của việc thực tập sư phạm hay không phần lớn là nhờ vào môi trường thực hành sư phạm. Việc lựa chọn cơ sở thực tập sư phạm cho SV phải đạt được các tiêu chí:

- "Có phong trào và chất lượng giáo dục tốt;
- Có đội ngũ giáo viên nhiệt tình, có năng lực và kinh nghiệm sư phạm để hướng dẫn thực hành, thực tập cho sinh viên;
- Có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đảm bảo cho sinh viên thực tập sư phạm;
- Có môi trường sư phạm tốt" [1, tr.2].

Rõ ràng, việc một GV ra ngành đáp ứng được yêu cầu của thực tế dạy học phổ thông không chỉ phụ thuộc vào chất lượng đào tạo các môn học ở giảng đường đại học mà còn cả môi trường thực hành, thực tập sư phạm và cách thức đầu tư cho hoạt động thực hành thực tập nghề nghiệp của nhà trường. Lợi nhuận người GV mang lại cho nhà

trường và cho xã hội không thể bằng việc lỗ, lãi ở các khoản thu, chi học phí mà là sự nghiệp trồng người của họ cho xã hội, cho quê hương, đất nước. Phải tu duy theo chiều hướng ấy mới có thể đem lại cho nhà trường một chiến lược đầu tư để cạnh tranh và phát triển bền vững trong lĩnh vực đào tạo NVSP cho SV ngành cử nhân Ngữ văn nói riêng, ngành sư phạm nói chung.

### **3.6. Không khoán trắng công tác thực tập sư phạm của SV cho trường phổ thông**

Thực tập sư phạm là một phần quan trọng trong CT đào tạo GV nhằm hình thành năng lực nghề nghiệp và kỹ năng NVSP. Việc tổ chức thực tập sư phạm được Bộ Giáo dục quy định theo 2 hướng:

- Hướng thứ nhất, các đoàn SV sư phạm được gửi đến cơ sở thực tập để tiến hành thực tập, hiệu trưởng các cơ sở thực tập trực tiếp chỉ đạo. Trưởng đoàn thực tập là SV do các cơ sở đào tạo cử ra để quản lí đoàn và liên hệ công tác chung.

- Hướng thứ hai, trường đại học cử một giảng viên sư phạm làm trưởng đoàn đến các cơ sở thực tập để cùng với GV phổ thông hướng dẫn SV thực tập.

Hiện nay, công tác thực tập sư phạm của SV ngành cử nhân Ngữ văn Trường Đại học Hồng Đức đang được thực hiện theo hướng thứ nhất, thiếu sự hướng dẫn của giảng viên. Điều này gây ra những khó khăn như sau:

- SV lúng túng trong việc vận dụng các phương pháp để tổ chức dạy học một bài cụ thể;
- GV phổ thông hướng dẫn chưa khoa học. GV trả giáo án mà không đọc, không có lời nhận xét;
- Nhiều SV không thỏa mãn với cách đánh giá của GV phổ thông vì áp đặt, cảm tính;
- GV phổ thông nhận xét giờ giảng của SV không rõ ràng và ít có tính xây dựng.

Nhin nhận vấn đề từ quan điểm lấy người học làm trung tâm sẽ thấy mọi hoạt động giảng dạy của GV và hệ thống điều hành, quản lí đào tạo của nhà trường đều nhằm nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện NVSP của SV. Vì vậy, trong những đợt thực tập sư phạm của các khóa tiếp theo, Trường Đại học Hồng Đức cần cử giảng viên về PT làm trưởng đoàn thực tập sư phạm giúp đỡ SV xây dựng kỹ năng NVSP, cùng với GV phổ thông dự giờ, đánh giá kết quả thực tập giảng dạy, thực tập chủ nhiệm của SV một cách khách quan, công bằng và trung thực.

### **4. Kết luận và kiến nghị**

Hiểu rõ đối tượng, mục đích và thực trạng công tác NVSP của SV ngành cử nhân Ngữ văn là cơ sở khoa học để tác giả đưa ra các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo NVSP ở Trường Đại học Hồng Đức Thanh Hóa. Trong bối cảnh giáo dục trường PT đang

có nhiều thay đổi lớn về nội dung CT, SGK, phương pháp, phương tiện dạy học và kiểm tra, đánh giá, HS phổ thông không chọn môn Ngữ văn làm môn học lập nghiệp, khó khăn thách thức ấy đâu chỉ của riêng người GV đứng lớp. Lãnh đạo nhà trường cần dành một số lượng đáng kể các đề tài khoa học cho nghiên cứu giáo dục PT; tăng cường mối quan hệ với Sở Giáo dục, phòng Giáo dục và các trường PT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác rèn luyện, bồi dưỡng NVSP thường xuyên của GV và SV.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (8/2003), *Quy chế thực hành, thực tập sư phạm ban hành kèm theo Quyết định 36/2003/QĐ - BGDDT*.
2. Nguyễn Văn Tụ (2010), *Thực trạng và những*

*định hướng trong công tác đào tạo nghề ở các trường đại học sư phạm, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng số 2 (37).*

3. Nguyễn Thị Kim Anh (2007), *Vai trò của trường thực hành sư phạm trong công tác đào tạo giáo viên, Kỷ yếu hội thảo, Viện nghiên cứu giáo dục.*

4. Nguyễn Kim Oanh (2005), *Từ hiện trạng công tác đào tạo nghiệp vụ giáo viên đến hiện trạng thực tập sư phạm của giáo sinh, Đề tài khoa học cấp Bộ.*

#### SUMMARY

*As higher education institutions are trying to improve teacher training quality, the author tries to propose some quality improvement measures in teaching skills for students of Language studies at Hong Duc University in Thanh hoa.*

## THỰC TRẠNG THIẾT BỊ DẠY HỌC

(Tiếp theo trang 26)

thích HS triệt để sử dụng đa giác quan tham gia vào quá trình tri giác, kết hợp tri giác trực tiếp với giải thích, gợi mở, dẫn dắt như sờ ở đâu, cảm giác thế nào, làm gì,...Đảm bảo thông tin hai chiều, tốc độ hướng dẫn tri giác cần chậm hơn mức bình thường, tỉ mỉ, cẩn kẽ hơn và nhiều lần hơn.

Hiện nay, Luật Người khuyết tật đã được ban hành, theo đó ngày càng có nhiều trẻ khuyết tật được đi học. Để HSKT học tập có hiệu quả Bộ Giáo dục và Đào tạo cần chỉ đạo để ngày càng có nhiều nghiên cứu, thiết kế các thiết bị dạy học đa dạng về chủng loại, phù hợp đặc điểm phát triển của trẻ thuộc các dạng tật khác nhau; Các cơ sở giáo dục có HS khuyết tật cần động viên giáo viên, HS nghiên cứu và tự làm các thiết bị dạy học (dễ làm, dễ kiểm, rẻ tiền,...) cho HSKT của cơ sở mình. Kết hợp với việc trang bị đầy đủ các TBDH cần thiết, các cơ sở giáo dục có HSKT cần thường xuyên mở các lớp tập huấn, chuyên đề cho giáo viên về việc nâng cao kỹ năng sử dụng TBDH trong lớp có HSKT để các em dễ dàng hơn trên con đường nhận thức của mình.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Quốc Đắc và các tác giả, *Một số vấn đề lí luận và thực tiễn của việc xây dựng và sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị dạy-học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2002.*
2. Lê Tràng Định (2003), *Tổ chức cho học sinh*

lớp một sử dụng phương tiện dạy học trực quan trong giờ học trên lớp. Luận án tiến sĩ giáo dục học.

3. Phan Trọng Ngọ, Dương Diệu Hoa, Lê Tràng Định, *Vấn đề trực quan trong dạy học, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2002.*

4. Trần Doãn Quới, *Một số vấn đề về cơ sở khoa học và phương pháp luận của việc sử dụng TBDH trong trường phổ thông, Hà Nội, 1997.*

5. Lê Văn Tặc, Nguyễn Văn Hường, "Bước đầu hình thành bộ đồ dùng dạy học đơn giản cho trẻ có tật bậc tiểu học, đề tài mã số: B 36, Viện Khoa học giáo dục, 1995.

6. Lê Ngọc Thu, *Nghiên cứu thiết bị dạy học cho học sinh khiếm thị ở trường tiểu học trong môi trường giáo dục hòa nhập, báo cáo tổng kết đề tài mã số V7-2003.*

7. Trần Đức Vượng (2005), *Các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học phục vụ triển khai chương trình, sách giáo khoa tiểu học và trung học cơ sở. Báo cáo tổng kết đề tài cấp bộ, mã số: B2003-49-41, Hà Nội, 2005.*

#### SUMMARY

*This article presents status of teaching aids in teaching disabled primary school children, from role of teaching aids to the cognitive process by children to the status and the addition of teaching aids for helping children understand the lessons.*